

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số 90/2003/QĐ-BNN ngày 04/9/2003 quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và tổ chức bộ máy của Cục Chế biến nông lâm sản và nghề muối.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 86/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Điều 19 Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

Cục Chế biến nông lâm sản và nghề muối là cơ quan trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành bảo quản, chế biến nông lâm sản và nghề muối trong phạm vi cả nước.

Cục Chế biến nông lâm sản và nghề muối có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, có kinh phí hoạt động, được mở tài khoản theo quy định của pháp luật.

Trụ sở của Cục Chế biến nông lâm sản và nghề muối đặt tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Cục Chế biến nông lâm sản và nghề muối được Bộ trưởng giao thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành về cơ điện nông lâm thủy lợi, bảo quản, chế biến nông lâm sản, ngành nghề nông thôn và nghề muối trong cả nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cụ thể như sau:

1. Trình Bộ trưởng dự án luật, dự án pháp lệnh và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành của Cục.

2. Trình Bộ trưởng chiến lược, quy hoạch, chính sách, kế hoạch năm năm và hàng năm, chương trình, dự án, đề án thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành của Cục theo sự phân công của Bộ trưởng.

3. Ban hành văn bản về nghiệp vụ quản lý; hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc chuyên ngành theo phân cấp của Bộ trưởng.

4. Tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật đã được phê duyệt và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về chuyên ngành quản lý của Cục.

5. Về quản lý chuyên ngành:

a) Thống nhất quản lý về cơ khí hóa, điện khí hóa, tự động hóa trong nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp và thủy lợi;

b) Quản lý nhà nước về bảo quản nông lâm sản;

c) Thống nhất quản lý về công nghiệp chế biến nông lâm sản và các sản phẩm khác thuộc phạm vi quản lý của ngành;

d) Thống nhất quản lý về ngành nghề và làng nghề ở nông thôn;

đ) Về nghề muối:

- Quản lý nhà nước về sản xuất, bảo quản muối và các sản phẩm của muối;

- Thống nhất quản lý về chế biến muối và các sản phẩm muối chế biến;

- Quản lý và theo dõi dự trữ quốc gia về muối;

e) Đề xuất, thẩm định các dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành của Cục theo phân công của Bộ trưởng;

g) Tham gia chỉ đạo và thực hiện công tác khuyến diêm, khuyến công và phát triển ngành nghề thủ công ở nông thôn theo phân công của Bộ trưởng;

h) Quản lý công tác giám định chất lượng vật tư, thiết bị, công nghệ thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành của Cục;

i) Tổ chức thực hiện việc đăng ký, kiểm định và cấp giấy chứng nhận các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành của Cục và theo quy định của pháp luật;

k) Cấp, thu hồi các loại giấy chứng nhận, giấy phép có liên quan đến quản lý chuyên ngành của Cục theo thẩm quyền;

l) Thu thập thông tin, thống kê, tổng hợp báo cáo, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý chuyên ngành của Cục.

6. Về khoa học công nghệ:

a) Xây dựng trình Bộ trưởng chương trình, kế hoạch, đề tài nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật công nghệ; quản lý và tổ chức triển khai kết quả nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ trong phạm vi quản lý chuyên ngành của Cục;

b) Thống nhất quản lý ứng dụng các công nghệ mới trong bảo quản, chế biến nông sản, lâm sản, muối theo quy định của pháp luật;

c) Trình Bộ trưởng ban hành tiêu chuẩn chất lượng ngành về cơ khí nông, lâm thủy lợi, nông lâm sản chế biến và muối theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức thu thập và quản lý thông tin khoa học công nghệ thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành của Cục;

đ) Đề xuất về sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành của Cục.

7. Tham gia đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Cục theo phân công của Bộ trưởng.

8. Về xúc tiến thương mại:

a) Tham gia dự báo định hướng phát triển thị trường máy và thiết bị chuyên dùng phục vụ sản xuất và phục vụ cơ khí hóa, điện khí hóa, tự động hóa trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và nghề muối; phát triển thị trường nông lâm sản chế biến, sản phẩm muối và sản phẩm làng nghề nông thôn thuộc phạm vi quản lý của Cục;

b) Tham gia xây dựng cơ chế, chính sách phát triển thị trường tiêu thụ các sản phẩm chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Cục;

c) Tổ chức, tham gia các hội chợ, triển lãm các sản phẩm chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Cục.

9. Xây dựng chương trình, dự án hợp tác quốc tế thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành của Cục; tham gia đàm phán để ký kết, gia nhập các điều ước quốc tế, các tổ chức quốc tế có liên quan; tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế, dự án hợp tác quốc tế theo phân công của Bộ trưởng.

10. Quản lý một số đơn vị sự nghiệp, dịch vụ công thuộc phạm vi chuyên ngành của Cục theo phân công của Bộ trưởng.

11. Tham gia quản lý hoạt động của các hội, tổ chức phi Chính phủ thuộc phạm vi chuyên ngành của Cục theo phân công của Bộ trưởng.

12. Thanh tra, kiểm tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo; chống tham nhũng, tiêu cực; xử lý các vi phạm thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành của Cục theo thẩm quyền.

13. Xây dựng và thực hiện chương trình cải cách hành chính của Cục theo mục tiêu và nội dung chương trình cải cách hành chính của Bộ.

14. Thường trực Chương trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn theo phân công của Bộ trưởng.

15. Quản lý tổ chức, bộ máy, biên chế của Cục theo quy định; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Cục.

16. Quản lý tài chính, tài sản và các nguồn lực khác được giao; tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định.

17. Thực hiện nhiệm vụ khác được Bộ trưởng giao.

Điều 3. Tổ chức bộ máy

1. Lãnh đạo Cục:

Lãnh đạo Cục có Cục trưởng và các Phó Cục trưởng do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm theo quy định.

Cục trưởng điều hành hoạt động của Cục, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và trước pháp luật về hoạt động của Cục và nhiệm vụ được giao.

Phó Cục trưởng giúp việc Cục trưởng, chịu trách nhiệm trước Cục trưởng và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công. Số lượng Phó Cục trưởng không quá ba người; trường hợp vượt quá phải báo cáo Bộ trưởng.

2. Bộ máy quản lý của Cục:

a) Phòng Hành chính - Tổng hợp (tổ chức, tài chính);

b) Phòng Kế hoạch (khoa học, hợp tác quốc tế);

c) Phòng Cơ điện;

d) Phòng Chế biến bảo quản nông lâm sản;

đ) Phòng Nghề muối;

e) Phòng Ngành nghề nông thôn;

g) Bộ phận thường trực tại thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đơn vị trực thuộc Cục:

- Trung tâm Kiểm định kỹ thuật an toàn ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Cục trưởng Cục Chế biến nông lâm sản và nghề muối quy định chức năng, nhiệm vụ các phòng, bộ phận và đơn vị trực thuộc, xây dựng Quy chế làm việc của Cục trình Bộ trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo Chính phủ; thay thế Quyết định số 817/NN-TTCB-QĐ ngày 14 tháng 6 năm 1996, Quyết định số 3044/QĐ-BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 1998 và Quyết định số 81/1999/QĐ-BNN ngày 21 tháng 5 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thành lập các phòng thuộc Cục Chế biến nông lâm sản và ngành nghề nông thôn và các quy định trước đây của Bộ trái với Quyết định này.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Chế biến nông lâm sản và ngành nghề nông thôn chịu trách nhiệm bàn giao nguyên trạng Cục Chế biến nông lâm sản và ngành nghề nông thôn cho Cục trưởng Cục Chế biến nông lâm sản và nghề muối.

2. Cục trưởng Cục Chế biến nông lâm sản và nghề muối, Chánh Văn phòng, các Vụ trưởng, các Cục trưởng, Chánh Thanh tra, Chủ tịch Ủy ban

nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và
Phát triển nông thôn

LÊ HUY NGỌ

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số 91/2003/QĐ-BNN ngày 04/9/2003 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Cục Lâm nghiệp.

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 86/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Điều 19 Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

Cục Lâm nghiệp là cơ quan trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành lâm nghiệp trong phạm vi cả nước.

Cục Lâm nghiệp có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, có kinh phí hoạt động, được mở tài khoản theo quy định của pháp luật.

Trụ sở của Cục Lâm nghiệp đặt tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Cục Lâm nghiệp được Bộ trưởng giao thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành lâm nghiệp về trồng rừng, phát triển tài nguyên rừng, khai thác lâm sản trong cả nước thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, cụ thể như sau:

1. Trình Bộ trưởng dự án luật, dự án pháp lệnh, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành của Cục.

2. Trình Bộ trưởng chiến lược, quy hoạch phát triển, chính sách, kế hoạch năm năm và hàng năm, chương trình, dự án, đề án về lâm nghiệp thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành của Cục theo sự phân công của Bộ trưởng.

3. Ban hành các văn bản về nghiệp vụ quản lý, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc chuyên ngành theo phân cấp của Bộ trưởng.

4. Tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế kỹ thuật đã được phê duyệt và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về chuyên ngành quản lý của Cục.

5. Về quản lý chuyên ngành lâm nghiệp:

a) Quản lý tài nguyên rừng:

- Quản lý công tác điều tra cơ bản lâm nghiệp: